Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 24.09.2019 08:49:46 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 335 /BC-UBND	*Tây Ninh, ngày 23 tháng 9 năm 2019*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2019

Thực hiện Công văn số 6515/BKHĐT-TH ngày 10/9/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng năm 2019;

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo như sau:

1. Tình hình triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, UBND tỉnh Tây Ninh đã kịp thời triển khai và cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của Trung ương, cụ thể trong 9 tháng đầu năm, Tây Ninh đã triển khai các nội dung:

– Những giải pháp, nhiệm vụ chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019 (*Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2019*);

– Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2019 (*Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2019*);

– Giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2019 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh *(Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 10/12/2018)*.

– Giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019 *(Quyết định số 3194/QĐ-UBND ngày 27/12/2018)*.

– Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2019 của tỉnh Tây Ninh *(Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 07/01/2019)*.

– Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng năm 2021 *(Kế hoạch số 306/KH-UBND ngày 22/02/2019)*.

– Triển khai thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 01/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp tập trung tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019 *(Công văn số 1058/UBND-TKTH ngày 24/5/2019)*.

– Triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 20/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển bền vững *(Công văn số 1147/UBND-TKTH ngày 05/6/2019).*

– Triển khai thực hiện Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 10/5/2019 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế *(Công văn số 1193/UBND-TKTH ngày 11/6/2019).*

– Triển khai thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 19/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam *(Công văn số 1913/UBND-TKTH ngày 05/9/2019).*

2. Tình hình triển khai thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 01/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 01/4/2019, đồng thời trên cơ sở Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng năm 2021 *(Kế hoạch số 306/KH-UBND ngày 22/02/2019)*. Qua đó, căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được phân công, UBND tỉnh giao cho các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố cụ thể hóa nhiệm vụ vào kế hoạch hằng năm và tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch.

3. Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh 9 tháng đầu năm 2019

3.1 Những mặt làm được

Về kinh tế:

Giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản *(giá so sánh 2010)* ước thực hiện 21.380 tỷ đồng, đạt 78,9% so với KH, tăng 0,3% so với CK *(KH 2019: tăng 4% trở lên).*

Giá trị sản xuất công nghiệp *(giá so sánh 2010)* ước thực hiện 64.138 tỷ đồng, đạt 73,1% so với KH, tăng 16,1% so với CK *(KH 2019: tăng 14,5% trở lên).*

Giá trị các ngành dịch vụ *(giá so sánh 2010)* thực hiện 21.195 tỷ đồng, đạt 71,3% so với KH, tăng 6,4% so với CK *(KH 2019: tăng 6,5% trở lên).* Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên địa bàn ước thực hiện 58.128 tỷ đồng, tăng 9,6% so CK.

Kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện 2.789 triệu USD, đạt 54,8% so với KH, giảm 7,9% so với CK *(KH 2019: tăng 22%)*. Kim ngạch nhập khẩu ước thực hiện 2.583 triệu USD, đạt 71,1% so với KH, tăng 20,3% so với CK *(KH 2019: tăng 20%).*

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh ước thực hiện 7.192 tỷ đồng, đạt 89,9% dự toán, tăng 28,5% so với cùng kỳ *(Dự toán 2019: 8.000 tỷ đồng).* Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 6.265 tỷ đồng, đạt 71,2% dự toán, tăng 13,1% so với cùng kỳ *(Dự toán 2019: 8.800 tỷ đồng).*

Tổng KH vốn XDCB năm 2019 là 2.823,367 tỷ đồng, đã phân khai chi tiết 2.712,967 tỷ đồng, đạt 98,2% KH. Trong 9 tháng đầu năm, ước khối lượng thực hiện 2.098,295 tỷ đồng, đạt 65,72% KH, giải ngân 2.025,245 tỷ đồng, đạt 71,73% KH.

Tổng vốn huy động của hệ thống ngân hàng ước thực hiện đến cuối tháng 9/2019 đạt 43.969 tỷ đồng, tăng 8% so với đầu năm. Tổng dư nợ cho vay ước đạt 54.903 tỷ đồng, tăng 11% so với đầu năm, nợ xấu chiếm 0,35% so với tổng dư nợ.

Đầu tư phát triển trên địa bàn thực hiện 22.565 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ, trong đó khu vực nhà nước tăng 10% so với cùng kỳ, khu vực ngoài nhà nước tăng 29% so với cùng kỳ, khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 19% so với cùng kỳ.

Thu hút đầu tư nước ngoài đạt 876 triệu USD, tăng 88% so với cùng kỳ. Thu hút đầu tư trong nước đạt 4.318 tỷ đồng, giảm 65% so với cùng kỳ.

Phát triển doanh nghiệp: Cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập mới cho 482 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 7.987 tỷ đồng, so với CK tăng 17% về số doanh nghiệp và tăng 1,3 lần về vốn đăng ký.

Các hoạt động văn hóa – xã hội:

Kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2019 có 7.803/8.111 học sinh thi đậu tốt nghiệp, đạt 96,2% (*năm học trước 97,19%*). Thực hiện kiểm tra trường lớp, đảm bảo đủ phòng học, đủ giáo viên, thiết bị đồ dùng dạy học cho khai giảng năm học 2019 – 2020. Toàn tỉnh hiện có 190 trường đạt chuẩn quốc gia.

Một số bệnh đang diễn ra trên địa bàn: bệnh sốt xuất huyết 2.297 ca *(cùng kỳ 1.106 ca),* 589 ca bệnh tay – chân – miệng *(cùng kỳ 743 ca)*, 06 ca mắc sốt rét *(cùng kỳ 29 ca)*. Xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm 16 người. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 82,9% so với dân số toàn tỉnh *(KH năm 2019: 85,5%)*.

Công tác chăm lo cho các đối tượng hưởng chính sách xã hội, người có công với cách mạng, người nghèo được thực hiện kịp thời. Tư vấn việc làm và học nghề cho 19.095 lượt lao động, tổ chức cho 446 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động.

Nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ diễn ra sôi nổi, phong phú, tập trung tuyên truyền, chào mừng dịp Tết cổ truyền, các ngày lễ, kỷ niệm của đất nước, của tỉnh.

Quốc phòng- an ninh; công tác nội chính:

Tình hình và công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong nội địa và trên tuyến biên giới được giữ vững ổn định.

Tình hình trật tự an toàn xã hội *(Từ ngày 15/12/2018 đến 14/8/2019)*: tiếp nhận 921 tin báo tội phạm *(tăng 43 vụ so cùng kỳ);* điều tra làm rõ 813 vụ với 1.469 đối tượng.

Tình hình tai nạn giao thông 9 tháng năm 2019 giảm trên cả 3 mặt *(số liệu từ ngày 15/12/2018 đến ngày 14/9/2018 của Ban An toàn giao thông tỉnh):* Tai nạn

giao thông đường bộ xảy ra 105 vụ, làm chết 49 người, bị thương 90 người *(so với cùng kỳ: giảm 79 vụ, 25 người chết, 59 người bị thương)*.

Tổ chức sơ kết 01 năm thực hiện Thỏa thuận hợp tác giữa tỉnh Tây Ninh với 02 tỉnh Svay Riêng, Pray Veng - Vương quốc Campuchia.

Công tác cải cách hành chính: Thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả các thủ tục hành chính (TTHC) của tất cả các lĩnh vực giải quyết thuộc thẩm quyền của 18 sở, ban, ngành tỉnh tại Trung tâm hành chính công tỉnh. Kết quả giải quyết TTHC (*từ 01/01/2019 đến 10/9/2019*): Số hồ sơ đã giải quyết là 101.482/113.518 hồ sơ, đạt 89,4% tổng số hồ sơ cần giải quyết, số còn lại đang trong thời gian giải quyết. Hoạt động của Trung tâm Hành chính công của tỉnh ngày càng đi vào ổn định và phát huy hiệu quả.

3.2 Những tồn tại hạn chế

Sản xuất nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn. Tình hình dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp nhất là dịch khảm lá trên cây khoai mì, sâu keo mùa thu trên bắp và dịch tả lợn châu Phi đã và đang gây ảnh hưởng tới người sản xuất. Công tác triển khai các mô hình, dự án khuyến nông còn chậm. Việc liên kết tiêu thụ sản phẩm giữa nhà máy và nông dân vẫn chưa được thiết lập như mong muốn, việc xây dựng chuỗi giá trị còn gặp rất nhiều khó khăn.

Kết quả thực hiện và giải ngân vốn xây dựng cơ bản chưa cao (ước giải ngân đến 31/8/2019 là 53,22% KH) do bước đầu triển khai thực hiện các dự án còn chậm trễ (vướng mặt bằng thi công, mất nhiều thời gian cho công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu....).

Nhân lực ngành y tế còn thiếu và chưa đáp ứng được nhu cầu điều trị ngày càng cao của người dân. Tình trạng ngộ độc thực phẩm, tranh chấp lao động vẫn còn xảy ra, tai nạn lao động tăng so cùng kỳ.

Tình hình tội phạm vẫn diễn biến phức tạp, đặc biệt là tội phạm về ma túy. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo còn chậm ở một số đơn vị, vẫn còn nhiều vụ việc quá hạn giải quyết.

3.3 Nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2019

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 và của UBND tỉnh tại Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019. Các ngành, các cấp khẩn trương hoàn chỉnh báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh lần thứ X. Xây dựng nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050.

- Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 70/2018/QH14, ngày 09/11/2018 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2019. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công năm 2019. Xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2020 đúng quy định. Triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025, chuẩn bị các bước xây dựng kế hoạch đầu tư công giai

đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh phù hợp tình hình thu ngân sách của địa phương, khả năng thực hiện thực tế và nhu cầu đầu tư của các dự án.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch bình ổn thị trường một số mặt hàng thiết yếu trên địa bàn tỉnh từ ngày 01/7/2019 đến ngày 31/3/2020. Tổ chức Phiên chợ đặc sản Tây Ninh, tham gia Hội nghị kết nối cung cầu hàng hóa giữa TP.HCM và các tỉnh thành phía Nam.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch trên các lĩnh vực lưu trú, lữ hành, vận chuyển khách du lịch, hướng dẫn viên du lịch, khu tuyến điểm du lịch.

- Tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019. Đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020. Tổ chức Lễ kỷ niệm ngày doanh nhân Việt Nam 13/10/2019.

- Tiếp tục tuyên truyền pháp luật cho từng tổ chức và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản để nâng cao nhận thức chấp hành pháp luật.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa xã hội.

- Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường các hoạt động đối ngoại và hợp tác kinh tế.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Thắt chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường liêm chính, sáng tạo, nâng cao hiệu quả công vụ, thay đổi thái độ làm việc phục vụ lợi ích của người dân và doanh nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị theo Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh, Quyết định số 213/QĐ-TTg, ngày 21/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019.

Trên đây là báo cáo một số nội dung về tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng năm 2019 của tỉnh Tây Ninh.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP: Long, Nhung;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- PTKTH;
- Lưu: VT.Thảo-PTKTH
5

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Phụ lục 3

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 9 VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2019, DỰ KIẾN MỤC TIÊU QUÝ IV NĂM 2019

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Ước TH tháng 9/2019	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2019	Tháng 9/2019 so với tháng 9/2018	Lũy kế 9 tháng đầu 2019 so với cùng kỳ năm 2018	Dự kiến mục tiêu Quý IV và cả năm 2029		Ghi chú
								Quý IV	Ước TH cả năm 2019	
I	**MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐIỀU HÀNH VĨ MÔ**									
1	**Về thu chi ngân sách nhà nước**									
	Chỉ tiêu Thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	8,000	618	7,192	104.2%	128.5%	1,839	9,031	
	Chỉ tiêu Chi ngân sách trên địa bàn	"	8,800	897	6,265	524.4%	113.1%	2,535	8,800	
2	**Về đầu tư phát triển**									
	Tổng vốn đầu tư phát triển	Tỷ đồng	26,927		22,565		122.9%		28,138	
II	**CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THUỶ SẢN (giá so sánh 2010)**									
	Chỉ tiêu Giá trị sản xuất nông lâm thuỷ sản	Tỷ đồng	27,096		21,380		100.3%		26,523	
III	**CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**									
	Chỉ tiêu Giá trị sản xuất công nghiệp	Tỷ đồng	87,800		64,138		116.1%		88,948	
IV	**CÁC CHỈ TIÊU DỊCH VỤ**									
	Chỉ tiêu Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ	Tỷ đồng	29,720		21,195		106.4%		29,858	
VI	**VỀ XUẤT NHẬP KHẨU**									

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Ước TH tháng 9/2019	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2019	Tháng 9/2019 so với tháng 9/2018	Lũy kế 9 tháng đầu 2019 so với cùng kỳ năm 2018	Dự kiến mục tiêu Quý IV và cả năm 2029		Ghi chú
								Quý IV	Ước TH cả năm 2019	
	Kim ngạch xuất khẩu	Tr.USD	5,092		2,789		92.1%		3,968	
	Kim ngạch nhập khẩu	Tr.USD	3,631		2,583		120.3%		3,438	
VII	**VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP**									
1	Số doanh nghiệp đăng ký mới	d/nghiệp			482		117.0%			
	+ Số vốn đăng ký mới	Tỷ đồng			7,987		230.3%			
2	Thu hút đầu tư trong nước	Tỷ đồng	14,500		4,318		35.1%			
	Trong đó: Số dự án được cấp GCN đầu tư	dự án	56		22		56.4%			
	+ Vốn đăng ký	Tỷ đồng	14,000		4,774		52.2%			
3	Thu hút đầu tư nước ngoài	Tr.USD	812		876		187.7%			
	Trong đó: Số dự án được cấp GCN đầu tư	dự án	30		26		118.2%			
	+ Vốn đăng ký	Tr.USD	490		629		319.0%			
VIII	**VỀ CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI**									
	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%	0.5						0.5	
	Số lao động có việc làm tăng thêm	người	17,000						17,500	
	Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo	%	68						68	
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	dưới 1						dưới 1	
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	11						11	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2019	Ước TH tháng 9/2019	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2019	Tháng 9/2019 so với tháng 9/2018	Lũy kế 9 tháng đầu 2019 so với cùng kỳ năm 2018	Dự kiến mục tiêu Quý IV và cả năm 2029		Ghi chú
								Quý IV	Ước TH cả năm 2019	
	Số bác sĩ, số giường bệnh bình quân trên vạn dân									
	- Số bác sĩ	bác sĩ	6.8						6.8	
	- Số giường bệnh viện	giường	21.0						21.5	
	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	85.5		82.9				85.5	
IX	**VỀ MÔI TRƯỜNG**									
	Tỷ lệ hộ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh	%	100						100	
	Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh	%	97.9						97.9	
	Tỷ lệ che phủ của rừng (bao gồm độ che phủ của cây cao su)	%	42.3						42.3	
	Trong đó: Tỷ lệ che phủ rừng (đã loại trừ cây cao su)	*%*	*16.3*						*16.3*	
	Tỷ lệ các cơ sở y tế, khu công nghiệp, khu chế xuất xử lý chất thải rắn, nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	%	100						100	
	Tỷ lệ đô thị xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia									
	+ Chất thải rắn	%	100						100	
	+ Nước thải	%	22.22						11.11	
	Tỷ lệ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	%	100						100	